

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI**

***BÁO CÁO TÀI CHÍNH***

*cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014*

*đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được soát xét*

## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>02 – 04</b>
<b>Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính</b>	<b>05 – 06</b>
<b>Báo cáo tài chính đã được soát xét</b>	<b>07 – 36</b>
Bảng cân đối kế toán	07 – 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 – 13
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	14
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	15 – 36

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 66/UBCK - GP ngày 15 tháng 11 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 08/GPĐC - UBCK ngày 20 tháng 5 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy phép hoạt động kinh doanh là **1.000.000.000.000 đồng**.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác;
- Thực hiện các nghiệp vụ khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, số 1 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Công ty có các Chi nhánh trực thuộc như sau:

<b>Tên Chi nhánh</b>	<b>Địa chỉ</b>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại thành phố Hồ Chí Minh	Tầng 3, Tòa nhà Artex Sài Gòn, số 236-238 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại thành phố Đà Nẵng	Số 97 - Lê Lợi, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 36).

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, số 1 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội  
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Đỗ Quang Hiến	Chủ tịch	
Ông Phạm Hồng Thái	Phó Chủ tịch	
Ông Trần Thoại	Ủy viên	:
Ông Lê Đăng Khoa	Ủy viên	
Ông Mai Xuân Sơn	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 23/01/2014
Bà Lê Thị Thanh Thủy	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 23/01/2014

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Hoàng Đình Lợi	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 24/3/2014
Ông Vũ Đức Tiến	Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành	Phụ trách điều hành từ ngày 01/4/2014
Ông Nguyễn Chí Thành	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh TP.HCM	Bỏ nhiệm ngày 05/05/2014
Ông Trần Sỹ Tiến	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	Bỏ nhiệm Phó Tổng Giám đốc ngày 16/4/2014

### KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI**

Tầng 3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, số 1 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, các chính sách kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2014*

**TM. Ban Tổng Giám đốc**

**Phó Tổng Giám đốc**

**phụ trách điều hành**



**Vũ Đức Tiên**

Số : 284/2014/BCSX-AASCN

## BÁO CÁO

### KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội được lập ngày 08 tháng 8 năm 2014 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 được trình bày từ trang 07 đến trang 36 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, các chính sách kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Không phủ nhận nhận xét nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính: Đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014 Công ty đã đầu tư vào cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) số tiền là 203.631.247.079 đồng với tỷ lệ là 23,55% trên “Vốn chủ sở hữu” của Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 tỷ lệ đầu tư vào cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) là 26,15% trên “Vốn chủ sở hữu”), vượt quá tỷ lệ về hạn chế đầu tư tại khoản 4e, điều 44, Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập Công ty chứng khoán. Tuy nhiên, khoản đầu tư này hầu hết được mua cuối năm 2010, trước thời điểm Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 có hiệu lực. Do đó ngày 30 tháng 12 năm 2013, Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội đã có Công văn số 688/2013/CV-SHS gửi Ủy Ban chứng khoán Nhà nước (Vụ Thanh tra) Báo cáo về vấn đề này cũng như cam kết có lộ trình thoát bớt cổ phiếu SHB để đưa tỷ lệ đầu tư về hạn mức theo đúng quy định hiện hành.

**Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã được soát xét với nhận xét chấp nhận toàn phần và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp khác với ý kiến lưu ý về việc Công ty đã đầu tư vào cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) vượt quá tỷ lệ về hạn chế đầu tư tại khoản 4e, điều 44, Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập Công ty chứng khoán, như chúng tôi đã lưu ý ở trên.

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2014

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

**Giám đốc**



**Bùi Ngọc Vương**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

**Kiểm toán viên**

**Bùi Ngọc Hà**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI**

Tầng 3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, số 1 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>3.323.496.068.044</b>	<b>1.863.579.566.928</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>1.338.676.350.766</b>	<b>892.685.928.463</b>
1.	Tiền	111		806.876.350.766	733.485.928.463
2.	Các khoản tương đương tiền	112		531.800.000.000	159.200.000.000
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>495.670.911.758</b>	<b>252.295.926.060</b>
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.02.2	520.048.002.711	339.569.721.182
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(24.377.090.953)	(87.273.795.122)
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>V.03</b>	<b>1.474.770.461.311</b>	<b>704.926.435.096</b>
1.	Phải thu khách hàng	131		669.500.000	4.138.930.000
2.	Trả trước cho người bán	132		85.871.390.250	85.822.697.500
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		16.910.903.533	16.913.616.339
5.	Các khoản phải thu khác	138		1.584.307.938.074	808.079.196.153
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(212.989.270.546)	(210.028.004.896)
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>141.253.716</b>	<b>97.314.712</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.04	141.253.716	97.314.712
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>14.237.090.493</b>	<b>13.573.962.597</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.696.903.275	788.746.072
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		12.188.448.530	12.188.448.530
4.	Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158		351.738.688	596.767.995



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI**

Tầng 3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, số 1 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>60.100.665.355</b>	<b>59.068.636.490</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.811.074.447</b>	<b>6.120.237.518</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	2.246.589.198	1.701.180.204
	- Nguyên giá	222		14.472.722.685	13.354.564.500
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(12.226.133.487)	(11.653.384.296)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.06	3.564.485.249	4.419.057.314
	- Nguyên giá	228		19.405.332.990	18.945.828.822
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(15.840.847.741)	(14.526.771.508)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.02.2</b>	<b>45.400.000.000</b>	<b>45.600.000.000</b>
3.	Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		64.800.000.000	64.800.000.000
	- Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		64.800.000.000	64.800.000.000
	- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
4.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
5.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(19.400.000.000)	(19.200.000.000)
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.889.590.908</b>	<b>7.348.398.972</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	1.656.023.981	1.757.055.271
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.08	5.699.340.276	4.073.333.102
4.	Tài sản dài hạn khác	268		1.534.226.651	1.518.010.599
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>3.383.596.733.399</b>	<b>1.922.648.203.418</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI**

Tầng 3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, số 1 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.518.807.065.236</b>	<b>1.136.944.120.801</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.518.782.065.236</b>	<b>1.136.919.120.801</b>
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	415.000.000.000	330.000.000.000
2.	Phải trả người bán	312		54.441.120	84.441.120
3.	Người mua trả tiền trước	313		1.254.500.000	1.062.000.000
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	2.438.585.022	1.669.831.402
5.	Phải trả người lao động	315		1.620.898.177	1.848.044.774
6.	Chi phí phải trả	316	V.11	10.049.455.199	11.522.741.814
8.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	2.083.223.587.505	785.027.508.609
9.	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.13	4.346.451.600	5.087.981.600
10.	Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi chứng khoán	321		52.456.000	52.456.000
11.	Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		338.168.366	368.168.366
14.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		403.522.247	195.947.116
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>25.000.000</b>	<b>25.000.000</b>
6.	Phải trả dài hạn khác	333		25.000.000	25.000.000
<b>B.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>864.789.668.163</b>	<b>785.704.082.617</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>864.789.668.163</b>	<b>785.704.082.617</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		108.234.052.000	108.234.052.000
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		7.420.555.826	7.420.555.826
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		(1.550.000.000)	(1.550.000.000)
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		7.420.555.826	7.420.555.826
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(256.735.495.489)	(335.821.081.035)
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3.383.596.733.399</b>	<b>1.922.648.203.418</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI**

Tầng 3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, số 1 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)****CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
2.	Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	53.365.330.000	53.365.330.000
3.	Tài sản nhận ký cược	003	16.066.660.000	16.066.660.000
6.	Chứng khoán lưu ký	006	6.054.616.570.000	4.804.183.980.000
	Trong đó:			
6.1.	Chứng khoán giao dịch	007	4.166.009.220.000	2.981.397.440.000
6.1.1.	Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	310.349.250.000	243.069.730.000
6.1.2.	Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	3.854.551.470.000	2.737.219.210.000
6.1.3.	Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	1.108.500.000	1.108.500.000
6.2.	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	231.198.240.000	233.981.460.000
6.2.2.	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	231.198.240.000	233.981.460.000
6.3.	Chứng khoán cầm cố	017	1.506.078.000.000	1.464.105.600.000
6.3.1.	Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018	64.500.000.000	58.500.000.000
6.3.2.	Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	1.441.578.000.000	1.405.605.600.000
6.5.	Chứng khoán chờ thanh toán	027	151.297.010.000	121.685.590.000
6.5.1.	Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	26.000.000.000	-
6.5.2.	Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	125.297.010.000	121.685.590.000
6.7.	Chứng khoán chờ giao dịch	037	34.100.000	3.013.890.000
6.7.2.	Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	34.100.000	3.013.890.000
7.	Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	995.689.000.000	978.620.960.000
	Trong đó:			
7.1.	Chứng khoán giao dịch	051	172.470.000.000	155.253.950.000
7.1.1.	Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	1.503.290.000	1.501.140.000
7.1.2.	Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	170.966.710.000	153.752.810.000
7.2.	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056	212.000.000	197.010.000
7.2.2.	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058	212.000.000	197.010.000
7.3.	Chứng khoán cầm cố	061	823.000.000.000	823.000.000.000
7.3.2.	Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	063	823.000.000.000	823.000.000.000
7.5.	Chứng khoán chờ thanh toán	071	7.000.000	170.000.000
7.5.2.	Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073	7.000.000	170.000.000
8.	Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	15.999.260.000	15.999.260.000
9.	Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	30.000.000.000	30.000.000.000

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc  
phụ trách điều hành

Ngô Thị Trúc Mai

Trần Sỹ Tiên

Vũ Đức Tiên

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

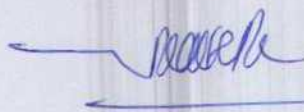
STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1.	<b>Doanh thu</b>	<b>01</b>		<b>144.097.524.463</b>	<b>65.068.804.769</b>
	<i>Trong đó:</i>				
-	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		28.033.095.033	13.305.394.953
-	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		75.699.162.473	21.718.980.925
-	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	2.952.985.650
-	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
-	Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		9.180.919.960	3.420.705.435
-	Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		1.653.059.695	1.480.614.174
-	Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá	01.7		27.885.703	-
-	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
-	Doanh thu khác	01.9		29.503.401.599	22.190.123.632
2.	<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		<b>-</b>	<b>1.009.895.925</b>
3.	<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>10</b>		<b>144.097.524.463</b>	<b>64.058.908.844</b>
4.	Chi phí hoạt động kinh doanh	11		49.406.472.020	35.253.012.711
5.	<b>Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>94.691.052.443</b>	<b>28.805.896.133</b>
6.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.626.585.162	14.483.119.694
7.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>79.064.467.281</b>	<b>14.322.776.439</b>
8.	Thu nhập khác	31		21.141.453	35.193.278
9.	Chi phí khác	32		23.188	201.801.164
10.	<b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>21.118.265</b>	<b>(166.607.886)</b>
11.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>79.085.585.546</b>	<b>14.156.168.553</b>
12.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.01	-	-
13.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
14.	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>79.085.585.546</b>	<b>14.156.168.553</b>
15.	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.02</b>	<b>792</b>	<b>142</b>

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2014

**Phó Tổng Giám đốc  
phụ trách điều hành**

Người lập biểu

Kế toán trưởng





**Vũ Đức Tiên**

**Ngô Thị Trúc Mai**

**Trần Sỹ Tiên**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		79.085.585.546	14.156.168.553
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		1.886.825.424	3.031.036.912
-	Các khoản dự phòng	03		(59.735.438.519)	(28.925.303.503)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(55.709.178.100)	(25.903.989.888)
-	Chi phí lãi vay	06		14.939.138.899	18.618.632.016
3.	Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		(19.533.066.750)	(19.023.455.910)
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(753.908.831.591)	(69.208.051.481)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư	10		(180.522.220.533)	(6.311.549.468)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		1.296.622.259.302	142.565.840.946
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(807.125.913)	(35.497.411)
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(14.663.305.566)	(10.593.409.857)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		61.388.500	820.261.709
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(96.216.052)	(279.531.920)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>327.152.881.397</b>	<b>37.934.606.608</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1.577.662.353)	(1.106.767.999)
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	34.647.150
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		35.420.351.459	24.333.745.884
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>33.842.689.106</b>	<b>23.261.625.035</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI**

Tầng 3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, số 1 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		6.926.000.000.000	2.622.000.000.000
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(6.841.000.000.000)	(2.690.000.000.000)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.148.200)	-
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>84.994.851.800</b>	<b>(68.000.000.000)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>445.990.422.303</b>	<b>(6.803.768.357)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>892.685.928.463</b>	<b>739.501.000.366</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>1.338.676.350.766</b>	<b>732.697.232.009</b>

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2014

Phó Tổng Giám đốc  
phụ trách điều hành

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Ngô Thị Trúc Mai

Trần Sỹ Tiên

  
Vũ Đức Tiên

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI**

Tầng 3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, số 1 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

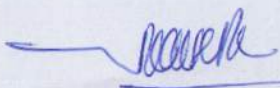
**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

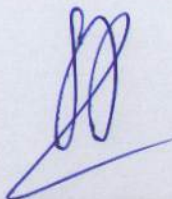
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước		Kỳ này		Kỳ trước	Kỳ này
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	-	-	-	-	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		108.234.052.000	108.234.052.000	-	-	-	-	108.234.052.000	108.234.052.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu		7.420.555.826	7.420.555.826	-	-	-	-	7.420.555.826	7.420.555.826
4. Cổ phiếu quỹ (*)		(1.550.000.000)	(1.550.000.000)	-	-	-	-	(1.550.000.000)	(1.550.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		7.420.555.826	7.420.555.826	-	-	-	-	7.420.555.826	7.420.555.826
9. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối		(347.442.463.283)	(335.821.081.035)	14.156.168.553	-	79.085.585.546	-	(333.286.294.730)	(256.735.495.489)
<b>Cộng</b>		<b>774.082.700.369</b>	<b>785.704.082.617</b>	<b>14.156.168.553</b>	<b>-</b>	<b>79.085.585.546</b>	<b>-</b>	<b>788.238.868.922</b>	<b>864.789.668.163</b>

Người lập biểu



Ngô Thị Trúc Mai

Kế toán trưởng



Trần Sỹ Tiến

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2014

Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành



Vũ Đức Tiến

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty Cổ phần.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty thực hiện các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác;
- Thực hiện các nghiệp vụ khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, số 1 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

### **Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tại thời điểm cuối kỳ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán.

#### **02. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

##### *Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

##### *Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 năm
Phần mềm giao dịch, phần mềm kế toán	03 - 05 năm

#### **03. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư chứng khoán: được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: được ghi nhận theo giá gốc.

##### *Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn:*

- Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn so với giá chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán.
- Giá thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh) tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Giá thị trường của chứng khoán chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường này, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại ngày kết thúc kỳ kế toán đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.
- Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán mà không thể thu thập được giá trị thị trường của chứng khoán thì không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.
- Đối với những chứng khoán niêm yết bị huỷ giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi trích lập dự phòng theo giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI**

Tầng 3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, số 1 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

### **Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### **04. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác**

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định;
- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chờ phân bổ;
- Chi phí tư vấn;
- Những khoản chi phí khác thực tế phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

#### **05. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### **06. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch do bán cổ phần phát hành để lại cho Công ty Cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu: là khoản trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

#### **07. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

##### ***Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán***

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

##### ***Doanh thu tiền lãi***

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) ngoại trừ lãi dồn tích trước ngày mua (được ghi giảm giá vốn chứng khoán) hoặc khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI**

Tầng 3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, số 1 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**Doanh thu từ cổ tức**

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

**08. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**01. Tiền và tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt tại quỹ	82.980.990	68.369.534
- Tiền gửi ngân hàng	782.976.958.675	732.064.304.183
Trong đó:		
+ Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	324.599.328.310	182.270.956.868
- Tiền đang chuyển	-	-
- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch CK	23.816.411.101	1.353.254.746
Trong đó:		
+ Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch CK của nhà đầu tư	23.342.826.791	1.060.301.293
- Các khoản tương đương tiền	531.800.000.000	159.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.338.676.350.766</u></b>	<b><u>892.685.928.463</u></b>

**02.1 Tình hình đầu tư tài chính và giá trị khối lượng giao dịch**

Chỉ tiêu	<u>Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ</u>	<u>Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ</u>
<b>a. Của công ty chứng khoán</b>	<b>61.886.570</b>	<b>1.573.077.143.000</b>
- Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ	61.886.570	1.573.077.143.000
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác	-	-
<b>b. Của nhà đầu tư</b>	<b>1.386.408.956</b>	<b>18.209.748.468.600</b>
- Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ	1.379.908.956	17.505.836.968.600
- Trái phiếu	6.500.000	703.911.500.000
- Chứng khoán khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.448.295.526</u></b>	<b><u>19.782.825.611.600</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI**

Tầng 3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, số 1 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**02.2 Tình hình đầu tư tài chính**

Chi tiêu		Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường	
						Tăng		Giảm			
		30/6/2014	31/12/2013	30/6/2014	31/12/2013	30/6/2014	31/12/2013	30/6/2014	31/12/2013	30/6/2014	31/12/2013
<b>I. Đầu tư ngắn hạn</b>				<b>520.048.002.711</b>	<b>339.569.721.182</b>	<b>21.273.754.842</b>	<b>164.781.840</b>	<b>24.377.090.953</b>	<b>87.273.795.122</b>	<b>516.944.666.600</b>	<b>252.460.707.900</b>
<i>1. Cổ phiếu</i>				<i>520.048.002.711</i>	<i>339.569.721.182</i>	<i>21.273.754.842</i>	<i>164.781.840</i>	<i>24.377.090.953</i>	<i>87.273.795.122</i>	<i>516.944.666.600</i>	<i>252.460.707.900</i>
<i>Cổ phiếu niêm yết sàn HNX và HSX</i>				<i>518.537.565.225</i>	<i>338.063.634.244</i>	<i>21.257.504.842</i>	<i>148.531.840</i>	<i>24.371.414.167</i>	<i>87.271.711.284</i>	<i>515.423.655.900</i>	<i>250.940.454.800</i>
CSM	Công ty CP Công nghiệp cao su Miền Nam	-	115.000	-	4.077.500.000	-	62.500.000	-	-	-	4.140.000.000
DRC	Công ty CP Cao su Đà Nẵng	400.000	-	17.873.976.894	-	2.326.023.106	-	-	-	20.200.000.000	-
DXG	Công ty CP Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh	851.010	-	12.511.726.417	-	168.322.583	-	-	-	12.680.049.000	-
FPT	Công ty Cổ phần FPT	450.105	-	23.188.034.288	-	-	-	2.213.141.288	-	20.974.893.000	-
HAG	Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai	300.006	6	7.952.705.649	126.600	-	-	692.560.449	3.600	7.260.145.200	123.000
HPG	Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát	560.018	-	24.875.706.174	-	5.365.265.876	-	-	-	30.240.972.000	-
HUT	Công ty CP Tasco	2.970.000	-	39.286.350.000	-	-	-	6.022.350.000	-	33.264.000.000	-
IJC	Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	165.000	-	2.345.000.000	-	-	-	282.500.000	-	2.062.500.000	-
KLS	Công ty CP Chứng khoán Kim Long	240.030	30	3.326.196.963	283.413	-	-	397.830.963	16.413	2.928.366.000	267.000
MBB	Ngân hàng TMCP Quân đội	1.350.000	1.005.000	19.639.550.995	14.269.868.015	-	-	1.009.550.995	1.506.368.015	18.630.000.000	12.763.500.000
NTL	Công ty CP Phát triển Đô thị Từ Liêm	2.200.650	-	36.028.058.000	-	-	-	2.578.178.000	-	33.449.880.000	-
OGC	Công ty CP Tập đoàn Đại Dương	4	600.004	43.119	6.675.042.520	81	-	-	194.999.320	43.200	6.480.043.200
PHC	Công ty CP xây dựng Phục Hưng Holdings	421.050	416.750	5.474.451.608	5.580.577.690	-	-	3.032.361.608	3.913.577.690	2.442.090.000	1.667.000.000
PID	Công ty CP trang trí nội thất Dầu Khí	250.000	250.000	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-	750.000.000	775.000.000	1.750.000.000	1.725.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI**

Tầng 3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, số 1 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**02.2 Tình hình đầu tư tài chính (tiếp theo)**

*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu		Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường	
						Tăng		Giảm			
						30/6/2014	31/12/2013	30/6/2014	31/12/2013	30/6/2014	31/12/2013
PVD	Công ty CP Khoan và Dịch vụ Dầu khí	9.060	-	753.602.331	-	-	-	6.152.331	-	747.450.000	-
SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	22.331.538	22.531.538	203.631.247.079	205.454.957.099	12.984.671.521	-	-	49.987.344.899	216.615.918.600	155.467.612.200
SSI	Cty CP CK Sài Gòn	1.400.000	950.000	37.129.090.238	17.021.350.478	-	78.649.522	869.090.238	-	36.260.000.000	17.100.000.000
TCM	Công ty CP Dệt may Thành Công	601.670	-	16.168.548.062	-	377.376.938	-	-	-	16.545.925.000	-
TSC	Công ty CP Vật tư kỹ thuật nông nghiệp Cần Thơ	-	130.000	-	1.904.471.600	-	-	-	734.471.600	-	1.170.000.000
VCG	Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	2.300.000	-	31.032.539.784	-	-	-	902.539.784	-	30.130.000.000	-
VNM	Công ty CP Sữa Việt Nam	100.000	-	14.424.867.101	-	-	-	2.224.867.101	-	12.200.000.000	-
VRC	Công ty CP Xây lắp và địa ốc Vũng Tàu	200.004	2.800.004	3.098.112.963	43.372.775.703	-	-	2.038.091.763	28.252.754.103	1.060.021.200	15.120.021.600
HSG	Công ty CP TĐ Hoa Sen	350.823	345.023	16.717.740.687	14.903.661.796	-	-	1.281.528.687	654.211.896	15.436.212.000	14.249.449.900
PET	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu Khí	2	1.010.002	44.451	22.217.799.332	-	-	9.053	1.209.757.712	35.400	21.008.041.600
	Các cổ phiếu khác	33940	225	579.972.420	85.219.998	35.844.787	7.382.318	70.661.907	43.206.016	545.155.300	49.396.300
<b>Cổ phiếu niêm yết sàn Upcom</b>				<b>2.100.938</b>	<b>2.034.350</b>	-	-	<b>1.755.538</b>	<b>1.824.750</b>	<b>345.400</b>	<b>209.600</b>
VSP	Công ty CP vận tải biển và Bất động sản Việt Hải	41	41	1.405.350	1.405.350	-	-	1.298.750	1.339.750	106.600	65.600
VTA	Công ty Cổ phần Vitaly	60	60	629.000	629.000	-	-	401.000	485.000	228.000	144.000
NTB	Công ty CP đầu tư xây dựng và khai thác công trình giao thông 584	3	-	66.588	-	-	-	55.788	-	10.800	-
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết hoặc hủy niêm yết</b>				<b>1.508.336.548</b>	<b>1.504.052.588</b>	<b>16.250.000</b>	<b>16.250.000</b>	<b>3.921.248</b>	<b>259.088</b>	<b>1.520.665.300</b>	<b>1.520.043.500</b>
PXH	Công ty CP Xây lắp dầu khí Hà Nội	150.000	150.000	1.503.750.000	1.503.750.000	16.250.000	16.250.000	-	-	1.520.000.000	1.520.000.000
	Các cổ phiếu khác	225	13	4.586.548	302.588	-	-	3.921.248	259.088	665.300	43.500

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI**

Tầng 3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, số 1 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****02.2 Tình hình đầu tư tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường		
	30/6/2014	31/12/2013	30/6/2014	31/12/2013	Tăng		Giảm		30/6/2014	31/12/2013	
					30/6/2014	31/12/2013	30/6/2014	31/12/2013			
<b>II. Chứng khoán đầu tư</b>			<b>64.800.000.000</b>	<b>64.800.000.000</b>	-	-	<b>19.400.000.000</b>	<b>19.200.000.000</b>	<b>45.400.000.000</b>	<b>45.600.000.000</b>	
<i>I. Chứng khoán sẵn sàng để bán</i>			<i>64.800.000.000</i>	<i>64.800.000.000</i>	-	-	<i>19.400.000.000</i>	<i>19.200.000.000</i>	<i>45.400.000.000</i>	<i>45.600.000.000</i>	
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>			<i>64.800.000.000</i>	<i>64.800.000.000</i>	-	-	<i>19.400.000.000</i>	<i>19.200.000.000</i>	<i>45.400.000.000</i>	<i>45.600.000.000</i>	
SVIC	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB - Vinacomin	3.000.000	3.000.000	<i>64.800.000.000</i>	<i>64.800.000.000</i>	-	-	<i>19.400.000.000</i>	<i>19.200.000.000</i>	<i>45.400.000.000</i>	<i>45.600.000.000</i>
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>584.848.002.711</b>	<b>404.369.721.182</b>	<b>21.273.754.842</b>	<b>164.781.840</b>	<b>43.777.090.953</b>	<b>106.473.795.122</b>	<b>562.344.666.600</b>	<b>298.060.707.900</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI**

Tầng 3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, số 1 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**03. Các khoản phải thu ngắn hạn**

Chi tiêu	Số đầu năm			Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ			Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
<i>A</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>
1. Phải thu của khách hàng	4.138.930.000	330.000.000	-	1.441.143.548	4.910.573.548	669.500.000	330.000.000	-	(330.000.000)
- Phải thu dịch vụ tư vấn	4.133.930.000	330.000.000	-	1.380.600.000	4.850.030.000	664.500.000	330.000.000	-	(330.000.000)
- Phải thu hoạt động khác	5.000.000	-	-	60.543.548	60.543.548	5.000.000	-	-	-
2. Trả trước cho người bán	85.822.697.500	-	-	198.292.750	149.600.000	85.871.390.250	-	-	-
- Ứng trước dịch vụ tư vấn	822.697.500	-	-	198.292.750	149.600.000	871.390.250	-	-	-
- Ứng trước tiền hợp tác xây dựng tòa nhà văn phòng	85.000.000.000	-	-	-	-	85.000.000.000	-	-	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	16.913.616.339	16.913.616.339	-	-	2.712.806	16.910.903.533	16.910.903.533	-	(4.710.994.206)
- Phải thu khách hàng về GDCK	16.913.616.339	16.913.616.339	-	-	2.712.806	16.910.903.533	16.910.903.533	-	(4.710.994.206)
+ Phải thu khách hàng GDCK về kỳ quỹ	16.913.616.339	16.913.616.339	-	-	2.712.806	16.910.903.533	16.910.903.533	-	(4.710.994.206)
4. Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	49.205.117	49.205.117	-	-	-	-
5. Phải thu khác	808.079.196.153	342.161.180.997	-	10.664.371.375.549	9.888.142.633.628	1.584.307.938.074	338.751.455.943	-	(207.948.276.340)
- Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư	43.725.859.235	-	-	4.025.090.839.912	4.006.591.838.915	62.224.860.232	-	-	-
- Phải thu hợp đồng hợp tác ba bên(*)	143.361.071.531	-	-	4.760.913.722.578	3.865.549.504.245	1.038.725.289.864	-	-	-
- Phải thu hợp đồng margin	582.085.138.366	305.527.683.003	-	1.813.898.850.147	1.997.329.175.452	398.654.813.061	302.934.741.397	-	(191.297.941.216)
- Phải thu hỗ trợ khác cho nhà đầu tư	9.601.095.649	8.999.400.241	-	10.934.190.271	85.783.620	20.449.502.300	8.978.422.241	-	(2.641.419.863)
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	16.708.210.100	16.244.583.513	-	10.968.215.525	11.385.049.384	16.291.376.241	15.424.097.816	-	(8.303.515.522)
- Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	820.000.000	820.000.000	-	26.238.780.985	5.533.120.485	21.525.660.500	820.000.000	-	(410.000.000)
- Phải thu khác	11.777.821.272	10.569.514.240	-	16.326.776.131	1.668.161.527	26.436.435.876	10.594.194.489	-	(5.295.399.739)
<b>Cộng</b>	<b>914.954.439.992</b>	<b>359.404.797.336</b>	<b>-</b>	<b>10.666.060.016.964</b>	<b>9.893.254.725.099</b>	<b>1.687.759.731.857</b>	<b>355.992.359.476</b>	<b>-</b>	<b>(212.989.270.546)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI**

Tầng 3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, số 1 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

(\*): Đây là khoản mà Công ty là trung gian cho việc thu hộ và trả hộ giữa Ngân hàng (bên cho vay) với nhà đầu tư (bên vay) để mua chứng khoán niêm yết, nhà đầu tư thế chấp cổ phiếu thuộc sở hữu của mình cho Ngân hàng để đảm bảo khoản vay. Công ty thực hiện một số dịch vụ do Ngân hàng và nhà đầu tư ủy thác và được hưởng phí quản lý tài sản đảm bảo từ Ngân hàng và phí tư vấn đầu tư từ Nhà đầu tư. Khi Ngân hàng giải ngân cho Nhà đầu tư vay thanh toán giao dịch khớp lệnh theo thỏa thuận của các bên thì Công ty đang ghi nhận là khoản phải thu khác đối với nhà đầu tư đồng thời ghi nhận tương ứng là khoản phải trả, phải nộp khác đối với ngân hàng (xem thuyết minh V.12).

*Đơn vị tính: VND***04. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	98.803.716	97.314.712
- Công cụ, dụng cụ	42.450.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>141.253.716</u></b>	<b><u>97.314.712</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI**

Tầng 3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, số 1 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**05. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện Vận tải	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>				
<i>Số dư đầu năm</i>	9.738.190.205	3.294.576.582	321.797.713	13.354.564.500
- Mua trong kỳ	1.118.158.185	-	-	1.118.158.185
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	10.856.348.390	3.294.576.582	321.797.713	14.472.722.685
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
<i>Số dư đầu năm</i>	8.639.765.862	2.796.435.003	217.183.431	11.653.384.296
- Số khấu hao trong kỳ	369.451.495	182.098.053	21.199.643	572.749.191
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	9.009.217.357	2.978.533.056	238.383.074	12.226.133.487
<b>III. Giá trị còn lại</b>				
1. Tại ngày đầu năm	1.098.424.343	498.141.579	104.614.282	1.701.180.204
2. Tại ngày cuối kỳ	1.847.131.033	316.043.526	83.414.639	2.246.589.198

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 8.043.490.555 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI**

Tầng 3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, số 1 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**06. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm giao dịch, phần mềm kế toán	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	-	<b>18.945.828.822</b>	<b>18.945.828.822</b>
- Mua trong kỳ	-	459.504.168	459.504.168
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	-	<b>19.405.332.990</b>	<b>19.405.332.990</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	-	<b>14.526.771.508</b>	<b>14.526.771.508</b>
- Số khấu hao trong kỳ	-	1.314.076.233	1.314.076.233
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	-	<b>15.840.847.741</b>	<b>15.840.847.741</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	<b>4.419.057.314</b>	<b>4.419.057.314</b>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	-	<b>3.564.485.249</b>	<b>3.564.485.249</b>

**07. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	563.371.221	1.075.978.749
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	252.377.139	121.607.133
- Chi phí tư vấn chờ phân bổ	538.541.172	323.041.172
- Chi phí trả trước dài hạn khác	301.734.449	236.428.217
<b>Cộng</b>	<b>1.656.023.981</b>	<b>1.757.055.271</b>

**08. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
- Tiền nộp bổ sung	4.560.971.943	3.378.052.515
- Tiền lãi phân bổ trong kỳ	1.018.368.333	575.280.587
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5.699.340.276</b>	<b>4.073.333.102</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI**

Tầng 3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, số 1 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**09. Vay và nợ ngắn hạn**

	Số dư đầu năm	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	Số dư cuối kỳ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>330.000.000.000</b>	<b>6.926.000.000.000</b>	<b>6.841.000.000.000</b>	<b>415.000.000.000</b>
- Vay ngân hàng (*)	330.000.000.000	6.926.000.000.000	6.841.000.000.000	415.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>330.000.000.000</b>	<b>6.926.000.000.000</b>	<b>6.841.000.000.000</b>	<b>415.000.000.000</b>

(\*) : Trong đó:

	Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam - CN Long Biên	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (**)
- Số đầu năm	-	330.000.000.000
- Số vay trong kỳ	2.026.000.000.000	4.900.000.000.000
- Số trả trong kỳ	2.026.000.000.000	4.815.000.000.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>415.000.000.000</b>

(\*\*): Khoản vay ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội bao gồm 02 hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 81/2014/HDHM-PN/SHB.110100 ngày 21 tháng 5 năm 2014 với các điều khoản chi tiết như sau:
  - + Giá trị hạn mức tín dụng: 550.000.000.000 VND;
  - + Số dư nợ vay tại ngày 30/6/2014: 250.000.000.000 VND;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
  - + Lãi suất vay: được quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ và được được chỉnh 3 tháng/lần kể từ thời điểm giải ngân.
  - + Hình thức đảm bảo tiền vay: khoản vay này được đảm bảo là các cổ phiếu niêm yết và OTC với giá trị tại thời điểm định giá là 615.020.260.000 đồng.
- Hợp đồng tín dụng số 3006/2014/HỆTD-PN/SHB-110200 ngày 30 tháng 6 năm 2014 với các điều khoản chi tiết như sau:
  - + Giá trị tiền vay: 165.000.000.000 VND;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
  - + Lãi suất vay: 7,8%/năm;
  - + Hình thức đảm bảo tiền vay: Bằng số dư tài khoản thanh toán tại ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội.

**10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	48.509.851	138.413.924
- Thuế thu nhập cá nhân	2.390.075.171	1.531.417.478
<b>Cộng</b>	<b>2.438.585.022</b>	<b>1.669.831.402</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI**

Tầng 3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, số 1 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**11. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trích trước chi phí lãi vay	364.583.333	88.750.000
- Phí cơ hội hợp đồng môi giới chứng khoán	7.816.497.707	8.840.770.400
- Chi phí phải trả khác	1.868.374.159	2.593.221.414
<b>Cộng</b>	<b><u>10.049.455.199</u></b>	<b><u>11.522.741.814</u></b>

**12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	42.322.155	31.306.825
Bảo hiểm xã hội	548.466.628	-
Bảo hiểm y tế	94.926.465	-
Bảo hiểm thất nghiệp	42.189.540	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.082.495.682.717	784.996.201.784
- Nhận tiền đặt cọc Hợp đồng môi giới chứng khoán (*)	695.397.004.859	462.610.241.013
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	347.889.699.101	178.190.820.561
- Phải trả hợp đồng hợp tác ba bên (**)	1.038.725.289.864	143.361.071.531
- Phải trả cổ tức SHS cho nhà đầu tư	311.954.249	317.102.449
- Phải trả khác	171.734.644	516.966.230
<b>Cộng</b>	<b><u>2.083.223.587.505</u></b>	<b><u>785.027.508.609</u></b>

(\*): Đây là khoản Công ty nhận tiền đặt cọc của khách hàng để thực hiện việc tìm mua chứng khoán theo yêu cầu của khách hàng. Trong trường hợp Công ty không tìm mua được chứng khoán trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty sẽ phải hoàn trả tiền cọc cho khách hàng kèm theo một khoản phí cơ hội theo thỏa thuận. Khoản phí cơ hội này được Công ty trích trước trên khoản mục “Chi phí phải trả” vào cuối mỗi tháng.

(\*\*): Đây là khoản mà Công ty là trung gian cho việc thu hộ và trả hộ giữa Ngân hàng (bên cho vay) với nhà đầu tư (bên vay) để mua chứng khoán niêm yết, nhà đầu tư thế chấp cổ phiếu thuộc sở hữu của mình cho Ngân hàng để đảm bảo khoản vay. Công ty thực hiện một số dịch vụ do Ngân hàng và nhà đầu tư ủy thác và được hưởng phí quản lý tài sản đảm bảo từ Ngân hàng, phí tư vấn đầu tư từ Nhà đầu tư. Khi Ngân hàng giải ngân cho Nhà đầu tư vay thanh toán giao dịch khớp lệnh theo thỏa thuận của các bên thì Công ty đang ghi nhận là khoản phải trả, phải nộp khác đối với ngân hàng đồng thời ghi nhận tương ứng là khoản phải thu khác đối với nhà đầu tư (xem thuyết minh V.03).

**13. Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải trả tổ chức, cá nhân khác	4.346.451.600	5.087.981.600
<b>Cộng</b>	<b><u>4.346.451.600</u></b>	<b><u>5.087.981.600</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI**

Tầng 3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, số 1 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****01. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	79.085.585.546	14.156.168.553
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	440.071.628.619	420.197.826.932
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	26.238.780.985	3.814.481.625
+ <i>Kết chuyển lỗ các năm trước</i>	413.832.847.634	416.383.345.307
- Tổng thu nhập tính thuế TNDN	(360.986.043.073)	(406.041.658.379)
- Thuế suất thuế TNDN	22%	25%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	-	-

**02. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	79.085.585.546	14.156.168.553
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	79.085.585.546	14.156.168.553
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	99.845.000	99.845.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>792</b>	<b>142</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Không có thông tin bổ sung.

**VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU****01. Thông tin bổ sung cho Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Ghi chú</i>
- Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng trước khi báo cáo tài chính được phép phát hành	Không có thông tin bổ sung
- Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	Không có thông tin bổ sung
- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	Không có thông tin bổ sung

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI**

Tầng 3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, số 1 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****02. Cổ phiếu**

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	100.000.000	100.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	155.000	155.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	155.000	155.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	99.845.000	99.845.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	99.845.000	99.845.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

**IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin về các bên có liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Đơn vị tính: VND

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị	3.455.427.859	2.840.696.317

***Giao dịch với các bên liên quan khác***

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB – Vinacomin	Cùng chủ tịch Hội đồng quản trị
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	Cùng chủ tịch Hội đồng quản trị

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
<b><i>Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB – Vinacomin</i></b>		
- Nhận cổ tức	-	1.800.000.000
<b><i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội</i></b>		
- Chi phí lãi vay	13.937.888.889	838.888.932
- Nhận tiền vay trong kỳ	4.900.000.000.000	1.901.000.000.000
- Trả tiền vay trong kỳ	4.815.000.000.000	1.986.000.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI**

Tầng 3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, số 1 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

*Đơn vị tính: VND*

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB - Vinacomin</b>	<b>64.800.000.000</b>	<b>64.800.000.000</b>
- Đầu tư cổ phiếu	64.800.000.000	64.800.000.000
<b>Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội</b>	<b>203.631.247.079</b>	<b>205.454.957.099</b>
- Đầu tư cổ phiếu	203.631.247.079	205.454.957.099
<b>Cộng</b>	<b><u>268.431.247.079</u></b>	<b><u>270.254.957.099</u></b>
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB - Vinacomin</b>	<b>50.000.000</b>	<b>50.000.000</b>
- Người mua trả tiền trước	50.000.000	50.000.000
<b>Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội</b>	<b>980.502.642.662</b>	<b>405.771.429.789</b>
- Phải trả về hợp tác 3 bên	565.502.642.662	75.771.429.789
- Vay ngắn hạn	415.000.000.000	330.000.000.000
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b><u>980.552.642.662</u></b>	<b><u>405.821.429.789</u></b>

**2. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

**Lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính là: Hoạt động môi giới, giao dịch chứng khoán, hoạt động tự doanh, hoạt động tư vấn và hoạt động lưu ký chứng khoán và hoạt động khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty cụ thể như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI**

Tầng 3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, số 1 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

*Đơn vị tính: VND*

	<b>Hoạt động môi giới, giao dịch chứng khoán</b>	<b>Hoạt động tự doanh</b>	<b>Kinh doanh nguồn vốn và dịch vụ khách hàng</b>	<b>Tư vấn và bảo lãnh phát hành</b>	<b>Các bộ phận khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>Kỳ này</b>						
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	28.033.095.033	75.699.162.473	31.135.480.440	9.180.919.960	48.866.557	144.097.524.463
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-	-
Chi phí phân bổ	27.399.005.118	(22.946.871.166)	44.228.329.542	2.704.337.154	13.648.256.534	65.033.057.182
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	634.089.915	98.646.033.639	(13.092.849.102)	6.476.582.806	(13.599.389.977)	79.064.467.281
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và tài sản dài hạn khác	1.181.846.563	-	-	-	395.815.790	1.577.662.353
<b>Số dư cuối kỳ</b>						
Tài sản bộ phận	5.474.705.245	577.896.572.258	2.694.762.182.854	1.270.791.172	-	3.279.404.251.529
Tài sản không phân bổ						104.192.481.870
<b>Tổng tài sản</b>	<b>5.474.705.245</b>	<b>577.896.572.258</b>	<b>2.694.762.182.854</b>	<b>1.270.791.172</b>	<b>-</b>	<b>3.383.596.733.399</b>
Nợ phải trả bộ phận	72.604.731	-	1.816.485.592.322	696.811.375.500	-	2.513.369.572.553
Nợ phải trả không phân bổ						5.437.492.683
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>72.604.731</b>	<b>-</b>	<b>1.816.485.592.322</b>	<b>696.811.375.500</b>	<b>-</b>	<b>2.518.807.065.236</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI**

Tầng 3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, số 1 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**Khu vực địa lý:**

Công ty có các khu vực địa lý kinh doanh sau: Miền Bắc, Miền Trung, Miền Nam.

	<u>Miền Bắc</u>	<u>Miền Trung</u>	<u>Miền Nam</u>	<u>Cộng</u>
<b>Kỳ này</b>				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	122.873.407.130	3.063.928.491	18.160.188.842	<b>144.097.524.463</b>
- Tài sản bộ phận	2.872.479.035.264	26.841.047.818	380.084.168.447	<b>3.279.404.251.529</b>
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	1.494.918.241	41.372.056	41.372.056	<b>1.577.662.353</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI**

Tầng 3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, số 1 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

*Đơn vị tính: VND*

**03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
- Tiền và các khoản tương đương tiền	1.338.676.350.766	-	892.685.928.463	-	1.338.676.350.766	892.685.928.463
- Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	1.601.888.341.607	(212.989.270.546)	829.131.742.492	(210.028.004.896)	1.388.899.071.061	619.103.737.596
- Đầu tư ngắn hạn	520.048.002.711	(24.377.090.953)	339.569.721.182	(87.273.795.122)	516.944.666.600	252.460.707.900
- Đầu tư dài hạn	64.800.000.000	(19.400.000.000)	64.800.000.000	(19.200.000.000)	45.400.000.000	45.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.525.412.695.084</b>	<b>(256.766.361.499)</b>	<b>2.126.187.392.137</b>	<b>(316.501.800.018)</b>	<b>3.289.920.088.427</b>	<b>1.809.850.373.959</b>

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
- Vay và nợ	415.000.000.000	330.000.000.000	415.000.000.000	330.000.000.000
- Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả phải nộp khác	2.086.921.575.437	790.224.931.329	2.086.921.575.437	790.224.931.329
- Chi phí phải trả	10.049.455.199	11.522.741.814	10.049.455.199	11.522.741.814
<b>Cộng</b>	<b>2.511.971.030.636</b>	<b>1.131.747.673.143</b>	<b>2.511.971.030.636</b>	<b>1.131.747.673.143</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, số 1 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

### **Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và các khoản hợp tác kinh doanh được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### **04. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 4 loại: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác.

##### ***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản nợ phải trả tài chính.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

##### ***Rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty khi doanh thu hoặc chi phí có gốc ngoại tệ khác so với đồng tiền kế toán của Công ty.

##### ***Rủi ro về giá cổ phần***

Chứng khoán vốn niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán.

##### ***Rủi ro giá hàng hóa***

Công ty không có rủi ro về thay đổi giá hàng hóa.

#### **05. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

##### ***Đầu tư chứng khoán nợ***

Rủi ro tín dụng liên quan đến đầu tư chứng khoán nợ dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty về đầu tư chứng khoán. Tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính, Công ty đánh giá rủi ro tín dụng đối với các chứng khoán nợ trên cơ sở thông tin về tình hình thị trường và khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, số 1 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

### Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### **Phải thu khách hàng**

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo tài chính trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Các khoản phải thu khách hàng của Công ty thuộc một số lượng lớn khách hàng đa dạng và có tài sản đảm bảo đối ứng, do đó không có rủi ro tập trung tín dụng.

#### **Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại một số ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán và Bộ phận nguồn vốn theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các thành phần trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như đã trình bày ở thuyết minh V.1 trang 18. Công ty đánh giá rủi ro tập trung về tín dụng liên quan đến tiền gửi ngân hàng ở mức độ thấp.

#### **06. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền ở mức độ mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ ngắn hạn	330.000.000.000	-	-	330.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	785.111.949.729	25.000.000	-	785.136.949.729
Chi phí phải trả	11.522.741.814	-	-	11.522.741.814
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	5.087.981.600	-	-	5.087.981.600
<b>Cộng</b>	<b>1.131.722.673.143</b>	<b>25.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.131.747.673.143</b>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay và nợ ngắn hạn	415.000.000.000	-	-	415.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	2.082.550.123.837	25.000.000	-	2.082.575.123.837
Chi phí phải trả	10.049.455.199	-	-	10.049.455.199
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	4.346.451.600	-	-	4.346.451.600
<b>Cộng</b>	<b>2.511.946.030.636</b>	<b>25.000.000</b>	<b>-</b>	<b>2.511.971.030.636</b>

#### **07. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã được soát xét và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI**

Tầng 3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, số 1 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**08. Thông tin về hoạt động liên tục**

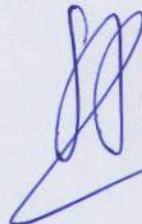
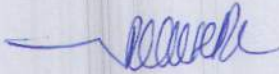
Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2014

**Phó Tổng Giám đốc  
phụ trách điều hành**

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**



**Ngô Thị Trúc Mai**

**Trần Sỹ Tiên**

**Vũ Đức Tiên**